

Bản án số: 179/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Bà Hồ Lệ Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã VP, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Bùi Cường E, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Trình bày của bà Huỳnh Thị Mỹ H tại đơn khởi kiện ngày 16/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án:**

Hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Bùi Cường E tự nguyện chung sống với

nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà H cho rằng ông Cường E không chung thủy, không quan tâm đến vợ con, bà và ông Cường E không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Cường E.

Con chung: Bà H và ông Cường E có 03 người con chung là Bùi Hoàng P, sinh ngày 15/12/2010 (giới tính nam); Bùi Hoàng H, sinh ngày 10/01/2018 (giới tính nam) và Bùi Hoàng G, sinh ngày 02/3/2019 (giới tính nam), cháu P hiện do ông Cường E nuôi dạy, cháu H và cháu G do bà H đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà H tự nguyện để cho ông Cường E tiếp tục nuôi dạy cháu P, bà xin được tiếp tục nuôi dạy cháu H và cháu G. Bà H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Cường E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên các yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Bùi Cường E. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Cường E có nơi cư trú tại ấp HT, xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Cường E vắng mặt không có lý do, bà H xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Cường E theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Bùi Cường E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà H cho rằng ông Cường E không chung thủy, không quan tâm đến vợ con, bà và ông Cường E không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Cường E. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Cường E đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà H xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông Cường E có thái độ không chung thủy, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông Cường E không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà H và ông Cường E có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, ông Cường E vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do, cho thấy bà H và ông Cường E không có thiện chí đoàn tụ với nhau, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H và ông Cường E được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà H và ông Cường E có 03 người con chung là Bùi Hoàng P, sinh ngày 15/12/2010 (giới tính nam); Bùi Hoàng H, sinh ngày 10/01/2018 (giới tính nam) và Bùi Hoàng G, sinh ngày 02/3/2019 (giới tính nam), cháu P hiện do ông Cường E nuôi dạy, cháu H và cháu G do bà H đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà H tự nguyện để cho ông Cường E tiếp tục nuôi dạy cháu P, bà xin được tiếp tục nuôi dạy cháu H và cháu G. Bà H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu P từ trước đến nay sống ổn định với ông Cường E, cháu H và cháu G có thời gian dài sống ổn định với bà H, các cháu đã trên 07 tuổi, cháu P có nguyện vọng sống chung với cha, cháu H và cháu G có nguyện vọng sống chung với mẹ. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Cường E không có ý kiến gì về việc nuôi dạy con chung, duy trì sự ổn định của các con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H đặt ra về con chung, giao cho bà H tiếp tục nuôi dạy cháu H và cháu G, giao cho ông Cường E tiếp tục nuôi dạy cháu P. Bà H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà H, ông Cường E không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng bà và ông Cường E không có tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông Cường E đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Cường E không có ý kiến gì về tài sản chung nên không xem xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông Cường E không có nợ chung, tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 07 tháng 7 năm 2020 xác định bà H và ông Cường E không có nợ chung, đương sự không yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Bùi Cường E.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ H về việc ly hôn đối với ông Bùi Cường E.

2.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Bùi Cường E được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 15/12/2010 (giới tính nam) cho ông Cường E tiếp tục nuôi dạy; Giao các cháu Bùi Hoàng H, sinh ngày 10/01/2018 (giới tính nam) và Bùi Hoàng G, sinh ngày 02/3/2019 (giới tính nam) cho bà H tiếp tục nuôi dạy. Bà H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà H, ông Cường E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm con chung mà không ai được quyền cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 16 tháng 7 năm 2020, bà H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011351 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BBĐ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan Anh**